

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2022/DS-ST
Ngày: 15 - 07 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh;

Ông Nguyễn Bền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 15 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/TLST-DS ngày 27/05/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXX-DS ngày 21/06/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Số 43, Ô 6, Khu B, thị trấn HN, huyện DH, tỉnh Long An.
- Bị đơn: Bà **Dương Thị Đ**, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
 1. Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1960 (chồng của bà Đ)
 2. Chị **D Thị Thùy D**, sinh 2001(con bà Đ)Cùng địa: Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang
(Bà P, bà Đ, chị D có mặt; ông H vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 09/03/2021 của nguyên đơn là Huỳnh Thị P và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Qua quen biết bà có cho bà Dương Thị Đ vay số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 17/05/2019 hai bên không có làm hợp đồng vay chỉ có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Lâm Thị Minh Nguyệt. Lãi suất trong hợp đồng thế chấp có ghi “ do hai bên tự thỏa thuận và trả vào ngày 25 tây dương lịch mỗi tháng”, tuy nhiên thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất với nhau là 3%/1 tháng, thời hạn vay là 10 tháng (tức trả vào ngày 17/03/2020). Từ khi bà Đ vay tiền đến nay chưa có trả tiền lãi và vốn gốc lần nào cho bà. Khi vay tiền bà Đ có thế chấp cho bà hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02411 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/07/2009 cho bà Dương Thị Đ đối với thửa đất số 3880 – diện tích 95,9m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất ở nông thôn.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02412 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/07/2009 cho bà Dương Thị Đ đối với Thửa đất số 91 – diện tích 789,1m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Tại đơn khởi kiện bà P yêu cầu bà Đ trả lại cho bà số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 3%/1 tháng tính từ ngày 17/05/2019 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, bà P xin thay đổi yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bà Đ trả lãi với lãi suất là 1,67%/1 tháng tính từ ngày 25/05/2019 đến ngày xét xử ngày 15/07/2022 thành tiền là 251.613.333 đồng. Đồng thời không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

Nay bà P chỉ yêu cầu bà Dương Thị Đ trả vốn gốc và lãi tổng cộng là 651.613.333 đồng. Và đồng ý cho trả số nợ trên làm 04 lần cụ thể vào các ngày như sau:

Lần 1: trả vào ngày 01/09/2022 là 200.000.000 đồng;

Lần 2: trả vào ngày 01/03/2023 là 200.000.000 đồng;

Lần 3: trả vào ngày 01/09/2023 là 150.000.000 đồng;

Lần 4: trả vào ngày 01/03/2024 là 101.613.333 đồng;

Nếu bà Đ vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì yêu cầu bà Đ phải trả hết số nợ còn lại làm một lần và phải trả thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

* Tại bản tự khai ngày 31/05/2022 của bị đơn là bà Dương Thị Đ và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: vào ngày 17/05/2019 bà có vay của bà Huỳnh

Thị P số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/1 tháng, thời hạn vay 10 tháng, mục đích vay để trả nợ. Từ khi vay đến nay bà chưa có trả vốn gốc và lãi lần nào cho bà P. Nay bà P khởi kiện yêu cầu trả vốn gốc 400.000.000 đồng và lãi là 251.613.333 đồng, tổng cộng hai khoản là 651.613.333 đồng bà đồng ý trả. Và đồng ý trả nợ với phương thức mà bà P đã nêu:

Lần 1: trả vào ngày 01/09/2022 là 200.000.000 đồng;

Lần 2: trả vào ngày 01/03/2023 là 200.000.000 đồng;

Lần 3: trả vào ngày 01/09/2023 là 150.000.000 đồng;

Lần 4: trả vào ngày 01/03/2024 là 101.613.333 đồng;

Nếu bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất kỳ lần trả nào, thì bà đồng ý trả hết số nợ còn lại làm một lần và đồng ý trả thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Khi vay tiền của bà P, bà có thể chấp quyền sử dụng đất là:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02411 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/07/2009 cho bà Dương Thị Đ đối với thửa đất số 3880 – diện tích 95,9m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất ở nông thôn.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02412 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/07/2009 cho bà Dương Thị Đ đối với Thửa đất số 91 diện tích 789,1m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Nay bà P không yêu cầu xử lý thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên, bà thống nhất, không có ý kiến.

* Tại bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị D Thị Thùy D và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị là con của bà Đ và ông Đỗ Văn H. Gia đình có xây dựng căn nhà trên thửa đất số 3880 diện tích 95,9m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất ở nông thôn do mẹ là bà Dương Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc đầu chị không biết mẹ chị vay tiền của bà P. Sau khi bà P khởi kiện chị mới biết. Nay số tiền vốn vay và tiền lãi do mẹ là bà Dương Thị P vay thì bà P có chịu trách nhiệm trả nợ cho bà P, chị không có ý kiến.

Về xử lý tài sản thế chấp, nay bà P không yêu cầu xử lý thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên chị thống nhất, không có ý kiến.

* Ông Đỗ Văn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, ông H không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chỉ yêu cầu trả lãi với lãi suất là 1,67%/1 tháng tính từ ngày 25/05/2019 đến ngày xét xử, thành tiền là 251.613.333 đồng. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5, khoản 1 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị P và bà Dương Thị Đ cùng thống nhất số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 251.613.333 đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi 651.613.333 đồng và thống nhất phương thức trả nợ cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 01/09/2022 bà Đ phải trả 200.000.000 đồng;

Lần 2: vào ngày 01/03/2023 bà Đ phải trả 200.000.000 đồng;

Lần 3: vào ngày 01/09/2023 bà Đ phải trả 150.000.000 đồng;

Lần 4: vào ngày 01/03/2024 bà Đ phải trả 101.613.333 đồng;

Nếu bà Đ vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì yêu cầu bà Đ phải trả hết số nợ còn lại làm một lần và phải trả thêm tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tại phiên tòa bà P không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 3880 diện tích 95,9m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất ở nông thôn do bà Dương Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02411 cấp ngày 11/07/2009; Và thửa đất số 91 diện tích 789,1m², tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất trồng cây

lâu năm do bà Dương Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02412 cấp ngày 11/07/2009. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: do bà Dương Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên bà Đ được miễn án phí.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 5, Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Huỳnh Thị P với bà Dương Thị Đ

Bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ trả vốn gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 251.613.333 đồng (hai trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng vốn gốc và lãi 651.613.333 đồng (sáu trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Về thời gian trả nợ cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 01/09/2022 bà Đ phải trả 200.000.000 đồng;

Lần 2: vào ngày 01/03/2023 bà Đ phải trả 200.000.000 đồng;

Lần 3: vào ngày 01/09/2023 bà Đ phải trả 150.000.000 đồng;

Lần 4: vào ngày 01/03/2024 bà Đ phải trả 101.613.333 đồng;

Nếu bà Dương Thị Đ vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên thì bà Huỳnh Thị P có quyền yêu cầu bà Dương Thị Đ trả hết số nợ còn lại làm một lần.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Về án phí:

- Bà Dương Thị Đ là người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị P là người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy không phải hoàn lại tạm ứng án phí cho bà P.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6,7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm

